

Số: TVHN-228/AGIA

An Giang, ngày 16 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 15/8 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 40-90cm. Mực nước thấp nhất ngày 15/8 ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 30-60cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/8 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-85cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/8 hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-90cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn xuống theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 15/8 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 5-10cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống theo xu thế triều biến Đông.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch ít biến đổi trong 1-2 ngày đầu, sau đó lên chậm. Riêng trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô mực nước tiếp tục lên chậm.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế xuống triều biến Tây trong 2-3 ngày đầu, sau đó lên lại.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 17/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 15/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			16/8	17/8	18/8	19/8	20/8	16/8	17/8	18/8	19/8	20/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	203	60	-61	254	71	-34	251	248	246	244	242	198	194	191	189	188
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	134	60	-3	225	77	32	224	220	216	212	210	131	129	126	123	119
Hậu	Khánh An	420	470	520	334	44	-4	343	46	0	340	337	335	333	331	331	328	326	324	322
	Châu Đốc	300	350	400	174	46	-35	243	65	5	240	236	233	231	230	171	168	165	163	162
	Long Xuyên	190	220	250	102	58	21	223	85	52	219	220	216	212	208	100	97	94	91	89
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	140	57	-17	226	76	20	225	220	216	212	210	136	133	130	127	125
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	178	90	90	180	86	-3	181	183	185	187	189	178	179	181	183	185
	Vinh Gia	200	240	280	68	33	-3	70	26	-9	70	71	74	77	80	67	67	71	74	77
	Vinh Điều	170	200	230	61	28	1	64	18	-5	64	64	67	70	71	60	59	63	66	67
T3	Vinh Phú	150	180	210	57	15	0	61	13	-2	61	60	63	66	67	56	56	59	62	64
T5	Nông Trường	160	190	220	65	18	2	69	16	-1	69	69	72	75	76	64	64	67	70	71
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	107	46	-6	111	35	-7	110	111	114	116	117	107	108	110	112	113
	Cô Tô	140	180	220	103	35	18	108	30	20	107	109	112	113	114	102	102	104	106	107
	Nam Thái Sơn	90	120	150	67	22	-	73	16	-	72	72	74	76	77	66	65	68	70	71
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	67	27	-9	70	24	-11	69	71	74	77	78	66	67	70	73	74
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	115	38	23	125	33	27	124	123	124	126	127	114	113	115	116	117
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	151	54	12	175	43	24	174	172	173	175	176	150	149	151	152	153
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	87	25	-16	107	19	-4	105	103	104	106	107	86	84	84	86	87
	Tân Thành	120	150	180	84	31	15	93	24	12	91	92	94	96	97	83	83	85	87	88
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	69	29	21	72	18	12	71	71	73	75	76	68	67	70	71	72
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	4	14	17	45	13	4	45	46	48	49	50	-2	-3	-1	0	-1
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-15	2	10	59	1	11	53	49	48	51	56	-8	-3	-1	-4	-10

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





